

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH VÀO LỚP 6 THCS

I. MÔN TOÁN

Phần trắc nghiệm khách quan: 5 điểm

Phần tự luận: 5 điểm.

(Điểm bài kiểm tra tính theo thang điểm 10, điểm lẻ của tổng điểm toàn bài được làm tròn đến hai chữ số thập phân)

Mức độ Chủ đề	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Tổng
Số học (5 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu tạo số tự nhiên. Tìm chữ số tận cùng của một số. - Các phép toán về số tự nhiên. - Phép chia hết và phép chia có dư. - Các phép toán về phân số, hỗn số, số thập phân, phần trăm. - Dạng toán tìm số chưa biết, toán tìm số khi biết tổng-hiệu, tổng-tỉ, hiệu-tỉ, trung bình cộng. - Dạng toán tính tuổi, toán chuyển động đều (một chuyển động). - Dạng toán tìm quy luật của dãy số, dãy hình... 				
<i>Số câu</i>	10	4		1	15
<i>Số điểm</i>	2,5	2		0,5	5
Đại lượng và đo đại lượng (0,5 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh biết cách đổi các đơn vị đo. 				
<i>Số câu</i>	2				2
<i>Số điểm</i>	0,5				0,5
Hình học (3,5 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Hình khối. - Tính diện tích, chu vi, độ dài cạnh của một hình. 				
<i>Số câu</i>	4	4	2		10
<i>Số điểm</i>	1	1	1,5		3,5
Toán tư duy (1 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Toán tìm quy luật của dãy số, dãy hình. - Toán suy luận, logic... 				
<i>Số câu</i>			1	1	2
<i>Số điểm</i>			0,5	0,5	1,0
Tổng	16	8	3	2	29
	4	3	2	1	10,0
Tổng số điểm	4đ = 40%	3,0đ = 30%	2đ = 20%	1,0đ = 10%	10đ = 100%

II. MÔN TIẾNG VIỆT

1. Khung ma trận đề kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh vào lớp 6 THCS môn Tiếng Việt

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm												
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao														
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL													
1	Đọc hiểu	Kiến thức luyện từ và câu - Từ và nghĩa của từ (từ và cấu tạo từ Tiếng Việt, từ đồng âm, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ nhiều nghĩa). - Từ loại và cụm từ loại (DT, ĐT, TT, QHT, CDT, CTT, CĐT) - Câu (câu phân loại theo mục đích nói; câu phân loại theo cấu tạo ngữ pháp). - Liên kết các câu trong bài - Các biện pháp tu từ (nhân hóa, so sánh)	3	0	5	0	0	2	0	0	60												
2	Viết	Kiến thức Tập làm văn <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%;">Kiểu bài văn miêu tả</td> <td style="width: 50%;">Kiểu bài văn tự sự</td> </tr> <tr> <td>+ Tả quang cảnh</td> <td>+ Kể chuyện được chứng kiến hoặc tham gia</td> </tr> <tr> <td>+ Miêu tả đồ vật</td> <td>+ Kể chuyện đã nghe, đã đọc.</td> </tr> <tr> <td>+ Miêu tả cây cối</td> <td></td> </tr> <tr> <td>+ Miêu tả con vật</td> <td></td> </tr> <tr> <td>+ Miêu tả người.</td> <td></td> </tr> </table>	Kiểu bài văn miêu tả	Kiểu bài văn tự sự	+ Tả quang cảnh	+ Kể chuyện được chứng kiến hoặc tham gia	+ Miêu tả đồ vật	+ Kể chuyện đã nghe, đã đọc.	+ Miêu tả cây cối		+ Miêu tả con vật		+ Miêu tả người.		0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Kiểu bài văn miêu tả	Kiểu bài văn tự sự																						
+ Tả quang cảnh	+ Kể chuyện được chứng kiến hoặc tham gia																						
+ Miêu tả đồ vật	+ Kể chuyện đã nghe, đã đọc.																						
+ Miêu tả cây cối																							
+ Miêu tả con vật																							
+ Miêu tả người.																							
Tổng điểm			1,5	0,5	2,5	1,5	0	3,0	0	1,0													
Tỉ lệ %			20		40%		30%		10%		100												
Tỉ lệ chung			60%				40%																

2. Bảng đặc tả đề kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh vào lớp 6 THCS môn Tiếng Việt

Thời gian làm bài: 60 phút

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	<p>Từ ngữ liệu (ngoài SGK) tìm hiểu về kiến thức luyện từ và câu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ (từ và cấu tạo từ Tiếng Việt, từ đồng âm, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ nhiều nghĩa). - Từ loại và cụm từ. - Câu (câu phân loại theo mục đích nói; câu phân loại theo cấu tạo ngữ pháp). - Liên kết các câu trong bài - Các biện pháp tu từ (nhân hóa, so sánh) 	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được từ láy, từ ghép, từ đồng âm, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ nhiều nghĩa, từ loại và cụm từ loại trong ngữ liệu. - Nhận biết được câu phân loại theo mục đích nói; câu phân loại theo cấu tạo ngữ pháp. - Chỉ ra được cách liên kết các câu trong đoạn. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được giá trị biểu đạt của từ láy, từ ghép, từ đồng âm, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ nhiều nghĩa. - Hiểu được tác dụng của các biện pháp tu từ (so sánh, nhân hoá) - Xác định các thành phần của câu. - Giải nghĩa, lí giải một số từ ngữ, câu văn hoặc nội dung thông tin có trong ngữ liệu theo yêu cầu. - Hiểu được nội dung chính của ngữ liệu. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảm nhận về cái hay, cái đẹp của một chi tiết/hình ảnh trong ngữ liệu. 	3 TN	5TN	2 TL	

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			- Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ ngữ liệu.				
2	Viết	1. Bài văn tự sự	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao:				1TL*

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			Viết được bài văn tự sự (<i>kể lại một chuyện được chứng kiến hoặc tham gia; kể chuyện đã nghe, đã đọc; sử dụng ngôi kể thứ nhất để chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc, con người được kể</i>).				
		2. Bài văn miêu tả	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn miêu tả. Sử dụng phương thức biểu đạt chính là miêu tả; tái hiện và bày tỏ được cảm xúc chân thực, sinh động về khung cảnh, con người, sự việc.				
		Tổng		3 TN 1*	5TN 1*	2 TL 1*	1 TL
		Tỉ lệ %		20	40	30	10
		Tỉ lệ chung		60		40	